

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tùng;

2. Ông Phạm Ưc Trai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Tráng A Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị S T C sinh năm 1981.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh C S L sinh năm 1985.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

3. *Người phiên dịch:* Bà L T N sinh năm 1991.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã N S, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2025, biên bản lấy lời khai chị S T C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian khá dài, cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L chơi bời cờ bạc, trai gái, rượu chè, khi say rượu đánh chửi chị, sự việc xảy ra chị đã nhiều lần khuyên giải anh L nhưng anh L không thay đổi, mâu thuẫn đã được hai bên gia

đình, anh em, họ hàng nội ngoại hòa giải nhưng không thành, anh chị đã không phát sinh quan hệ tình cảm và ngủ riêng được hai năm nay. Đến nay mâu thuẫn giữa hai anh chị ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C S L.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có 04 người con chung họ tên là C S L sinh ngày 07/4/2003, C S H sinh ngày 23/8/2004, C S S sinh ngày 30/8/2007 và cháu C S C sinh ngày 12/12/2009 các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường, khi ly hôn chị C có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu S và cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi cháu S và cháu C và hiện nay hai cháu đi học không phải đóng tiền và còn được hỗ trợ tiền ăn, còn hai cháu L và cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị làm nghề trồng trọt ruộng, nương, thỉnh thoảng đi làm thuê thu nhập được 5.000.000 đồng/ tháng; anh L thu nhập hàng tháng được khoảng 9.000.000 đồng nhưng dùng tiền để trả nợ tiền vay xây nhà.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Yêu cầu của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân anh L trình bày và đề nghị: Anh và chị C về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngay từ khi về chung sống cùng nhau chị C thỉnh thoảng bỏ đi mà không nói với anh, có lần chị bỏ đi mấy tháng mới về, vì vậy khi chị C trở về thì anh có chửi chị. Năm 2017 anh và chị C xây nhà nên phải vay mượn nhiều nơi nên từ năm 2017 cho đến nay anh đi làm nhưng không đưa được tiền cho chị C mà trả tiền xây nhà, từ khi về chung sống với nhau anh chị ngủ riêng, thỉnh thoảng mới phát sinh quan hệ tình cảm nhưng hai năm nay anh chị không phát sinh quan hệ tình cảm. Chị C muốn ly hôn anh hai bên gia đình đã nói chuyện khuyên giải nhưng không thành. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung, nuôi dưỡng con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có 04 người con chung họ tên là C S L sinh ngày 07/4/2003, C S H sinh ngày 23/8/2004, C S S sinh ngày 30/8/2007 và cháu C S C sinh ngày 12/12/2009 các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường, khi ly hôn chị C có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu S và cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi cháu S và cháu C anh cũng đồng ý, hiện nay hai cháu S và cháu C đi học không phải đóng tiền và còn được hỗ trợ tiền ăn, còn hai cháu L và cháu H đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh làm công trình xây dựng thu nhập hàng tháng được khoảng 9.000.000 đồng nhưng còn phải trả nợ tiền xây nhà, chị C là nghề trồng trọt, thỉnh thoảng đi làm thuê, thu nhập được khoảng 5.000.000 đồng/ tháng

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68, 75; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị S T C và anh C S L.

- Về con chung: Giao cháu C S C sinh ngày 12/12/2009 và cháu C S S sinh ngày 30/8/2007 cho chị S T C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh C S L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Anh L cư trú tại xã Q H T, huyện S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, chị C và anh L về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên Tòa án chỉ tiến hành hòa giải về việc nuôi dưỡng con mà không hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: S T C và anh C S L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo chị C thì tình cảm giữa hai anh chị hạnh phúc được một thời gian khá dài đến nay đã có 04 con chung, nhưng cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh L chơi bời cờ bạc, trai gái, rượu

chè, khi say rượu đánh chửi chị, sự việc mâu thuẫn xảy ra chị đã khuyên bảo anh L nhiều lần nhưng anh L không thay đổi, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, anh em, họ hàng nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả, anh chị đã không phát sinh quan hệ tình cảm và ngủ riêng được hai năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được. Còn anh L cho rằng ngay từ khi anh chị về chung sống với nhau thì đã có những mâu thuẫn từ việc chị C thỉnh thoảng bỏ nhà đi mà không nói với anh, có lần chị C bỏ đi mấy tháng mới về, vì vậy mà khi chị C về anh đã chửi chị. Vì năm 2017 anh chị xây nhà phải vay nợ nhiều nơi và từ năm đó cho đến nay anh làm được tiền không đưa cho chị C là để trả nợ tiền xây nhà, kể từ khi về chung sống với nhau anh chị ngủ riêng, thỉnh thoảng mới phát sinh quan hệ tình cảm, nhưng đã hai năm nay anh chị không phát sinh quan hệ tình cảm, sự việc mâu thuẫn giữa hai anh chị hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không thành, nay chị C kiện ly hôn anh thì anh cũng đồng ý. Do anh chị không đăng ký kết hôn thuộc trường hợp vụ án không được hòa giải do vi phạm điều cấm của luật, hơn nữa đến nay tình nghĩa vợ chồng không còn; căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị C với anh L là vợ chồng.

[3]. *Về nuôi dưỡng con khi ly hôn*: Chị C và anh L có với nhau bốn con chung là các cháu C S L sinh ngày 07/4/2003, C S H sinh ngày 23/8/2004, C S S sinh ngày 30/8/2007 và cháu C S C sinh ngày 12/12/2009 các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án khi hòa giải anh chị đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung là chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu C S S sinh ngày 30/8/2007 và cháu C S C sinh ngày 12/12/2009 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh C S L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn hai cháu C S L và C S H đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh và phát triển bình thường nên anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Việc anh chị đã thống nhất thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng con khi ly hôn Tòa án sẽ ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị theo quy định.

[4]. *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Cả chị C và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị S T C phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 212; Điều 213; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ giữa chị S T C và anh C S L là vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị S T C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu C S S sinh ngày 30/8/2007 và cháu C S C sinh ngày 12/12/2009 cho đến khi hai cháu S và cháu C đủ 18 tuổi. Anh C S L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị S T C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001922 ngày 17/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị S T C đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng